

NGHIÊN CỨU ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC Ở XÃ KIM ĐỒNG, HUYỆN THẠCH AN, TỈNH CAO BẰNG

Nguyễn Thị Thu Hiền, Trịnh Đình Khả

Trường Đại học Thủy lợi

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Kết quả nghiên cứu bước đầu đã xác định được 102 loài cây thuốc thuộc 94 chi, 58 họ được cộng đồng dân tộc ở khu vực nghiên cứu sử dụng trong phòng và chữa bệnh cho người dân. Cây thuốc thuộc 5 dạng sống chính: cây thân thảo, cây bụi, dây leo, cây gỗ nhỏ, cây gỗ lớn. Cây thường phân bố ở các dạng sinh cảnh như: làng xóm, làng bản, vườn, rừng, đồi cây bụi, đồi trọc, trảng cỏ, ven sông ven suối. Đã điều tra được 17 nhóm cây thuốc dùng để chữa bệnh, trong đó có 5 nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là: bệnh do thời tiết; bệnh về đường tiêu hóa; bệnh ngoài da; bệnh phụ nữ, sinh sản, sinh dục, sinh lý; bệnh xương khớp, hệ vận động. Đã xác định được danh lục 6 loài cây thuốc có giá trị bảo tồn tại khu vực nghiên cứu và chiếm 5,88% so với tổng số loài ghi nhận được.

Từ khóa: Cây thuốc, đa dạng, Kim Đồng, Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

RESEARCH ON THE DIVERSITY OF MEDICINAL PLANT RESOURCES IN KIM DONG COMMUNE, THACH AN DISTRICT, CAO BANG PROVINCE

Nguyen Thi Thu Hien, Trinh Dinh Kha

Thuy Loi University

SUMMARY

This research was conducted to evaluate the diversity of medicinal plant resources in Kim Dong commune, Thach An district, Cao Bang province. The result shown that there were 102 species of medicinal plants belonging to 94 genera, 58 families which were used by the ethnic community to prevent and treat people. Medicinal plants belong to 5 life forms: herbaceous, shrub, vines, small timber trees, average timber trees. Medicinal plants are usually distributed in the habitats, such as villages, gardens; forests; shrub hills, barren hills, grasslands; living along the riverside. In the plant parts used as medicine, the leaves, the whole plants, roots and tubers are used the most. Medicinal plants of Kim Dong commune were identified which are able to cure 10 diseases groups. Among these, 5 groups used with the largest number of species: weather sickness; digestive diseases; skin diseases; women's diseases, reproductive, genital, physiological; diseases of the bones. A list of 6 medicinal plant species with conservation value has been identified in the study area and accounts for 5.88% of the total species.

Keywords: Diversity, medicinal plants, Kim Dong commune, Thach An district, Cao Bang province.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã Kim Đồng, huyện Thạch An là một xã miền núi khu vực III, nằm ở huyện Thạch An - Cao Bằng. Xã Kim Đồng được chia thành nhiều thôn như Bản Sộc, Chu Lăng, Nà Vai, Nậm Nàng, Nậm Thầu, Bó Chàm, Khuổi Dăm, Khuổi Năng..., với diện tích đất rừng tự nhiên và rừng phòng hộ phong phú nên hệ động thực vật ở đây khá phong phú. Xã Kim Đồng hiện có 3.435 ha rừng tự nhiên, 235 ha rừng trồng, 183 ha rừng trồng chưa thành rừng. Bên cạnh đó, từ rất lâu đời, đồng bào các dân tộc thiểu số ở xã Kim Đồng cũng có nhiều kinh nghiệm độc đáo về việc chữa bệnh bằng nguồn tài nguyên cây thuốc, mỗi dân tộc có những bản sắc và những kinh nghiệm chữa bệnh bằng thực vật rất đặc trưng. Trong số đó có cộng đồng dân tộc Nùng, Tày là cộng đồng dân tộc có kinh nghiệm chữa bệnh bằng cây thuốc phong phú nhất. Tuy nhiên, hiện nay diện tích rừng ngày càng bị ảnh hưởng và có chiều hướng bị thu hẹp, tình trạng khai thác, mua bán nguồn tài nguyên cây thuốc diễn ra một cách phức tạp, dẫn đến nguồn tài nguyên cây thuốc ngày càng bị suy giảm. Bên cạnh đó, những bài thuốc dân gian của các cộng đồng dân tộc sử dụng từ bao đời nay trong việc phòng và chữa trị một số bệnh chưa được biết đến nhiều cũng như chưa được chứng minh bằng khoa học. Do đó, việc nghiên cứu đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng là cần thiết để làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn về bảo tồn, lưu trữ và phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và các bài thuốc quý tại địa phương.

II. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian thực hiện nghiên cứu: Từ tháng 4/2019 đến năm 2022.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra cộng đồng

Tại khu vực nghiên cứu, phỏng vấn các ông lang, bà mế, người dân có kinh nghiệm sử

dụng cây thuốc và sử dụng các bài thuốc gia truyền của cộng đồng dân tộc Nùng, Tày tại địa bàn nghiên cứu. Mẫu phiếu điều tra dựa theo phiếu điều tra cây thuốc trong cộng đồng và phiếu điều tra bài thuốc dân gian của Viện Dược liệu (Viện Dược liệu, 1993). Tiến hành thu thập đầy đủ các thông tin cây thuốc gồm: tên phổ thông, tên dân tộc; số hiệu mẫu; dạng sống; môi trường sống; bộ phận sử dụng làm thuốc (thân, rễ, hoa, quả, hạt,..); công dụng làm thuốc.

2.2.2. Phương pháp thu thập mẫu vật

Mẫu vật được thu thập theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn năm 1997 (Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997).

2.2.3. Phương pháp xác định tên khoa học

Các loài phổ biến được định danh trực tiếp tại thực địa. Đối với các loài chưa biết, chúng tôi thu thập mẫu vật (gồm đoạn cành có hoa hoặc có quả hoặc có cả hoa và quả; đối với các cây thảo nhỏ thì mẫu vật là cả cây), sấy khô và lưu trữ để phục vụ quá trình định loại. Tên khoa học của loài được xác định dựa theo kinh nghiệm của các chuyên gia khoa học về phân loại thực vật và dựa theo các tài liệu chuyên khảo về phân loại thực vật bao gồm: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999), Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2012), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2005), Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Trung tâm Nghiên cứu TN&MT - ĐHQG Hà Nội và Viện ST&TNSV - Viện Hàn Lâm Việt Nam, 2006).

2.2.4. Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc

Dựa trên phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn trong các phương pháp nghiên cứu thực vật (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007).

2.2.5. Đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc

Xác định những cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ở khu vực nghiên cứu theo: Sách đỏ Việt Nam, phần thực vật (Bộ KH&CN, 2007), Nghị định 06/2019/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2019), Nghị định 84/2021/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2021), Cẩm nang cây thuốc cần được bảo vệ ở Việt Nam (Nguyễn Tập, 2007).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đa dạng các bậc taxon nguồn tài nguyên cây thuốc

Kết quả điều tra nghiên cứu tại xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng bước đầu đã thống kê được 102 loài thuộc 100 chi và 58 họ (bảng 1).

Bảng 1. Số loài cây thuốc đã phát hiện ở khu vực nghiên cứu

Stt	Ngành thực vật		Số họ		Số chi		Số loài	
			SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	Ngành Dương xỉ	Pteridophyta	1	1,72	1	1,06	1	0,98
2	Ngành Ngọc lan	Magnoliophyta	57	98,28	93	98,94	101	99,02
	Tổng		58	100	94	100	102	100

Kết quả cho thấy, các loài cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc Nùng, Tày ở Kim Đồng - Thạch An tập trung chủ yếu vào ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 101 loài (chiếm 99,02%), 93 chi (chiếm 98,94%) và 57 họ (chiếm 98,28%).

Sự phân bố không đồng đều nhau của các taxon không chỉ được thể hiện giữa các ngành mà còn thể hiện qua sự chiếm ưu thế của các lớp trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) như bảng 2.

Bảng 2. Số lượng họ, chi, loài thuộc hai lớp trong ngành Ngọc lan

Lớp thực vật	Họ		Chi		Loài	
	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
Lớp Ngọc lan - Magnoliopsida	46	80,70	76	81,72	82	81,19
Lớp Hành - Liliopsida	11	19,30	17	18,28	19	18,81
Ngành Ngọc lan - Magnoliophyta	57	100	93	100	101	100
Tỷ lệ lớp Ngọc lan/lớp Hành	4,18		4,47		4,32	

Kết quả cho thấy, lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 46 họ (80,70%), 57 chi (81,72%), và 82 loài (81,19%). Một số loài thuộc lớp Ngọc lan có thể kể đến như: cây Hà thủ ô - *Fallopia multiflora* Haraldson được cộng đồng dân tộc thiểu số ở khu vực nghiên cứu (KVNC) sử dụng bộ phận rễ và củ chữa bệnh sốt rét, đau đầu, mất ngủ, bổ thận, tóc bạc sớm; cây Huyết đằng - *Sargentodoxa cuneata*

Rehd. & Wils sử dụng bộ phận rễ làm thuốc bổ huyết, bổ thần kinh, bổ gan; cây Đinh vàng - *Fernandoa collignonii* (Dop) dùng bộ phận rễ cây chữa giảm sốt, giúp mát gan; cây Ký ninh - *Stephania crispa* Miers dùng chữa bệnh dạ dày; cây Thầu dầu tía - *Ricinus communis* L. dùng chữa bệnh dạ dày, đau đầu, trĩ...

Tỷ lệ họ giữa lớp Ngọc lan với lớp Hành là 4,18 nghĩa là trung bình cứ khoảng 4 họ thuộc

lớp Ngọc lan thì sẽ có 1 họ thuộc lớp Hành; tương tự tỷ lệ các bậc chi và bậc loài lần lượt là 4,47 và 4,32 có nghĩa là: trung bình cứ 4 - 5 chi hoặc loài thuộc lớp Ngọc lan sẽ có 1 chi hoặc họ thuộc lớp Hành.

3.2. Đa dạng về dạng sống của nguồn tài nguyên cây thuốc

Đối với mỗi loài cây đều có sự thích nghi với môi trường sống khác nhau. Sự đa dạng về môi trường sống của loài thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu được thể hiện tại bảng 3.

Bảng 3. Đa dạng dạng sống của nguồn tài nguyên cây thuốc

Dạng sống	Thân thảo	Cây bụi	Dây leo	Gỗ nhỏ	Gỗ trung bình	Tổng số
Số loài	46	25	18	11	2	102
Tỷ lệ (%)	45,10	24,51	17,65	10,78	1,96	100

Kết quả cho thấy, phần lớn các cây thuốc được cộng đồng dân tộc thiểu số Nùng, Tày ở Kim Đồng - Thạch An sử dụng làm thuốc chữa trị cho cộng đồng người dân là nhóm cây thân thảo với 46/102 loài cây (chiếm 45,10% so với tổng số điều tra được); đứng thứ hai là các loài thuộc cây bụi với 25/102 loài (chiếm 24,51%); đứng thứ ba là loài cây dây leo với 18/102 loài (chiếm 17,65%); nhóm cây gỗ được sử dụng với tỷ lệ nhỏ lần lượt là 10,78% và 1,96% đối với loài cây gỗ nhỏ và gỗ trung bình.

Nhìn chung với kết quả đạt được đã chứng minh rằng, kinh nghiệm sử dụng các dạng cây cỏ làm thuốc trong chữa trị bệnh của cộng đồng

dân tộc thiểu số Nùng, Tày của KVNC khá đa dạng và phong phú.

3.3. Đa dạng về môi trường sống của nguồn tài nguyên cây thuốc

Để làm cơ sở khoa học phục vụ cho công tác bảo tồn các loài cây thuốc ở KVNC chúng tôi đã tiến hành đánh giá sự đa dạng về môi trường sống của các loài cây thuốc. Việc phân chia các loại môi trường sống được căn cứ vào địa hình, đất đai, khí hậu, nơi mà cây thuốc đó phát triển. Cây thuốc ở KVNC có các dạng môi trường sau: (i) làng xóm, làng bản, vườn; (ii) rừng (trồng, tái sinh, tự nhiên); (iii) đồi cây bụi, đồi trọc, trắng cỏ; (iv) ven sông (bảng 04).

Bảng 4. Phân bố của các loài cây thuốc theo môi trường sống

TT	Môi trường sống	Số loài	Tỷ lệ %
1	Sống ở làng xóm, làng bản, vườn	59	57,84
2	Sống ở rừng (rừng trồng, tái sinh, tự nhiên)	49	48,04
3	Sống ở đồi cây bụi, đồi trọc, trắng cỏ	8	7,84
4	Sống ở ven sông, ven suối	6	5,88
	Tổng	122	119,60
	Tổng số loài phát hiện	102	

Chú thích: Tỷ lệ % lớn hơn 100% do 1 số loài có thể sống ở nhiều môi trường sống khác nhau

Những dẫn liệu trên cho thấy, số lượng cây thuốc ở Kim Đồng - Thạch An phân bố không đồng đều trên các môi trường sống, cụ thể: môi trường sống chủ yếu của nguồn tài nguyên cây

thuốc đã được cộng đồng dân tộc thiểu số Nùng, Tày sử dụng chữa trị bệnh là sống ở xung quanh làng xóm, làng bản, vườn với 59 loài (chiếm 57,84%). Điều này chứng minh

rằng, người dân ở địa bàn nghiên cứu đã ý thức được giá trị, tầm quan trọng của cây thuốc khi đem cây thuốc về vườn nhà trồng và cũng để thuận lợi cho việc thu hái cây thuốc; tiếp đến là môi trường sống ở rừng (rừng trồng, tái sinh, tự nhiên) với 49 loài (chiếm 48,04%); và số loài cây thuốc phân bố ở ở đồi (đồi cây bụi, đồi trọc, trảng cỏ) và ven sông - suối chiếm tỷ lệ nhỏ nhất, do cây thuốc ở hai môi trường này đều đã được phát để người dân trồng cây màu, cây lương thực khác phục vụ đời sống hàng ngày.

Qua đánh giá tính đa dạng về sự phân bố số cây theo môi trường sống cho thấy, các loài cây thuốc có điều kiện sống rất đa dạng, phạm vi phân bố khác nhau. Nghiên cứu về môi trường sống của từng loài là một việc rất quan trọng, điều này rất có ý nghĩa cho công tác bảo tồn và

sử dụng bền vững nguồn nguyên liệu làm thuốc chữa bệnh.

3.4. Đa dạng về bộ phận sử dụng của nguồn tài nguyên cây thuốc

Việc tìm hiểu về các bộ phận của cây để làm thuốc là một việc làm rất quan trọng quyết định đến hiệu quả của bài thuốc. Trong việc sử dụng cây thuốc theo kinh nghiệm dân gian thì các bộ phận của cây thuốc được dùng để chữa các bệnh khác nhau, tùy theo cách vận dụng ở các bài thuốc của các ông lang, bà mế. Dựa vào kinh nghiệm, các ông lang, bà mế, ở xã Kim Đồng - Thạch An đã có những cách khai thác bộ phận sử dụng cây thuốc khác nhau, áp dụng cho từng loài cây thuốc. Kết quả điều tra đa dạng về sử dụng các bộ phận khác nhau của cây thuốc để chữa bệnh của cộng đồng dân tộc tại KVNC được tổng hợp tại bảng 5.

Bảng 5. Đa dạng của các bộ phận cây được sử dụng làm thuốc

TT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Lá	28	27,45
2	Cả cây	23	22,55
3	Rễ	20	19,61
4	Củ	17	16,67
5	Thân	14	13,73
6	Vỏ	13	12,75
7	Quả	5	4,90
8	Hoa	3	2,94
	Tổng	123	120,59
	Tổng số loài phát hiện	102	

Chú thích: Tỷ lệ % lớn hơn 100% do 1 số loài có thể sử dụng nhiều bộ phận khác nhau làm thuốc

Dẫn liệu cho thấy, có 8 bộ phận cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm của cộng đồng dân tộc thiểu số Nùng, Tày ở KVNC để chữa trị bệnh cho người dân. Trong đó có 4 bộ phận gồm lá, cả cây, rễ, củ được sử dụng nhiều hơn so với các bộ phận khác, cụ thể: bộ phận lá cây được sử dụng nhiều nhất với 28/102 loài được phát hiện (chiếm 27,45%). Có thể nói việc sử dụng lá cây làm thuốc sẽ giúp những nguồn tài

nguyên cây thuốc được sử dụng lâu dài hơn, không bị suy giảm và bảo vệ được số lượng nguồn cây thuốc; kế tiếp là bộ phận cả cây với 23/102 loài cây (chiếm 22,55%) được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm sử dụng của cộng đồng dân tộc Nùng, Tày ở KVNC; đứng thứ ba là sử dụng bộ phận rễ làm thuốc với 20/102 loài cây (chiếm 19,61%); đứng thứ tư là sử dụng bộ phận củ làm thuốc với 17/102 loài (chiếm 16,67%).

Với kết quả đạt được như vậy cho thấy, việc sử dụng các bộ phận cây thuốc như cả cây, rễ, củ và thân làm thuốc sẽ rất bất lợi trong công tác bảo tồn nguồn gen cây thuốc, vì vậy, chúng ta cần phải đẩy mạnh các giải pháp quy hoạch mở rộng quy mô trồng, nhân giống các loài cây thuốc mà có bộ phận sử dụng làm thuốc là cả cây, rễ, củ và thân để bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc trên địa bàn nghiên cứu nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

3.5. Đa dạng về công dụng chữa bệnh của các loài cây thuốc

Trong kinh nghiệm dân gian, một số loài cây thuốc có thể có tác dụng với nhiều loại bệnh và cũng có khi phải sử dụng nhiều loài cây kết hợp với nhau mới chữa được một loại bệnh.

Qua kết quả điều tra, phỏng vấn tri thức và kinh nghiệm sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc trong chữa trị bệnh của các các ông lang, bà mẹ, người dân am hiểu cây thuốc của các cộng đồng dân tộc thiểu số Nùng, Tày thuộc xã Kim Đồng - Thạch An thì mỗi người đều có cách sử dụng các loài cây thuốc theo cách riêng của mình vào mục đích chữa bệnh tương ứng.

Qua kết quả thu được về sự đa dạng công dụng chữa bệnh của nguồn tài nguyên cây thuốc được cộng đồng dân tộc thiểu số ở KVNC sử dụng, nhóm nghiên cứu đã xác định được bảng kết quả tỷ lệ số loài cây thuốc có công dụng chữa trị theo nhóm bệnh cụ thể tại bảng 6.

Bảng 6. Tỷ lệ số loài có công dụng chữa các nhóm bệnh cụ thể

STT	Nhóm bệnh chữa trị	Số loài	Tỷ lệ %
1	Nhóm bệnh do thời tiết (Cảm gió, chảy máu cam...)	37	36,27
2	Nhóm bệnh về đường tiêu hóa (Viêm loét dạ dày, đau bụng, tiêu chảy, viêm đường ruột, táo bón, trĩ...)	26	25,49
3	Nhóm bệnh ngoài da (Vàng da, mụn nhọt, bồng ngoài da, hắc bào, dị ứng, bó chân tay ngoài da bị dao cắt...)	17	16,67
4	Nhóm bệnh phụ nữ, sinh sản, sinh dục, sinh lý (Vô sinh, tăng cường sinh lý, điều kinh, giữ thai...)	16	15,69
5	Nhóm bệnh xương khớp, hệ vận động (Xương khớp, đau lưng, mỏi chân tay, thoái hóa cột sống, gãy xương...)	15	14,71
6	Nhóm thuốc bổ (Thuốc bổ thận, mát gan, ngâm rượu uống, bổ máu, bổ gan...)	14	13,73
7	Nhóm bệnh về gan (Gan nhiễm máu, gan nhiễm mỡ, viêm gan, xơ gan, viêm gan B, viêm gan C...)	8	7,84
8	Nhóm bệnh về đường tiết niệu (Sỏi thận, lợi tiểu, tiểu buốt, tiểu vàng, viêm thận...)	6	5,88
9	Nhóm bệnh về hệ tim mạch (Hạ huyết áp, đau tim...)	4	3,92
10	Nhóm bệnh do động vật cắn (rắn cắn...)	3	2,94
	Tổng	146	143,14
	Tổng số loài phát hiện	102	

Chú thích: Tỷ lệ % lớn hơn 100% do 1 số loài có công dụng chữa nhiều loại bệnh khác nhau

Qua dẫn liệu ta thấy, cộng đồng dân tộc thiểu số Nùng, Tày ở xã Kim Đồng - Thạch An đã biết cách sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc

để chữa trị 10 nhóm bệnh khác nhau, trong đó có những căn bệnh nan y như: nhóm bệnh về gan, thận, tim, xương khớp, nhóm bệnh về

đường tiêu hóa... Trong đó, số lượng cây thuốc được sử dụng để chữa trị tập trung phần lớn vào 5 nhóm bệnh như sau:

Nhóm bệnh do thời tiết với 37/102 loài cây được phát hiện (chiếm 18,98%). Các loài cây trong nhóm này tập chung vào các họ như: Lamiaceae (họ Hoa môi), Zingiberaceae (họ Gừng), Araceae (họ Ráy), Iridaceae (họ Đơn), Trilliaceae (họ Trọng lâu), Lauraceae (họ Nguyệt quế)... Với các loài như: cây Bán hạ nam - *Typhonium trilobatum* Schott có công dụng chữa suy nhược cơ thể, ho ra máu phũ; cây Rẻ quạt - *Belamcanda chinensis* DC. có công dụng chữa tiêu đờm, viêm họng, viêm phế quản; cây Lạc tiên - *Passiflora foetida* L. có tác dụng dùng làm thuốc an thần, chống mất ngủ, chữa hắc lao; cây Bảy lá một hoa - *Paris chinensis* Franch được cộng đồng dân tộc Nùng, Tày ở KVNC sử dụng chữa đau họng, viêm họng...

Nhóm bệnh về đường tiêu hóa với 26/102 loài (chiếm 25,49%). Các loài cây trong nhóm này tập chung vào các họ như: Caprifoliaceae (họ Cơm cháy), Dioscoreaceae (họ Củ nâu), Euphorbiaceae (họ Đại kích), Menispermaceae (họ Tiết dê)... Một số loài có thể kể đến như: cây Hoài sơn - *Dioscorea persimilis* Prain & Burk có công dụng chữa ho khan, phế quản, dạ dày, máu loãng, suy nhược cơ thể; cây Bòn bốt - *Glochidion velutinum* Wight có tác dụng làm thuốc chống viêm, chữa viêm đại tràng, lở ngứa, rắn cắn; cây Cánh kiến - *Styrax tonkinensis* Craib ex Hartwiss dùng chữa bệnh dạ dày; cây Ký ninh - *Stephania crispa* Miers được sử dụng chữa bệnh về dạ dày...

Nhóm bệnh ngoài da 17/102 loài (chiếm 16,67%). Một số cây chủ yếu như: cây Núc nác - *Oroxylum indicum* Kurz) chữa lở loét, bỏng nhiễm trùng; cây Sài đất - *Wedelia chinensis*

Merr có công dụng thanh nhiệt, chữa phát ban tuyền vú, chữa bệnh về dạ dày; cây Nhội - *Bischofia javanica* Blume có công dụng chống viêm, chữa viêm đại tràng, lở ngứa, rắn cắn; cây Vòng nem - *Erythrina variegata* L. chữa viêm da, rửa vết thương, chữa mất ngủ...

Nhóm bệnh phụ nữ, sinh sản, sinh dục, sinh lý với 16/102 loài (chiếm 15,69%). Có thể kể đến sự đóng góp của một số loài như sau: Lá gai - *Boehmeria nivea* Gaudich được cộng đồng dân tộc Nùng, Tày ở KVNC sử dụng chữa sảy thai, làm thuốc bổ an thai; Tai hùm - *Saxifraga sarmentosa* L.F. dùng chữa các bệnh phụ khoa, điều kinh, cầm máu; Kim thất tai - *Gynura ovalis* DC. dùng chữa viêm bàng quang, cây Ba kích thiên - *Borreria hispida* K. Schum dùng làm thuốc bổ dương...

Nhóm bệnh xương khớp, hệ vận động với 15/102 loài (chiếm 14,71%). Các loài trong nhóm này có thể kể như: Giảo cổ lam - *Gynostemma pentaphyllum* Makino dùng trị thần kinh tọa; cây Thiên niên kiện - *Aglaonema siamense* Engl được dùng để chữa bệnh phong tê thấp, đau nhức thần kinh tọa; cây Vú bò - *Ficus heterophylla* L.f dùng chữa bệnh khớp, khí hư, tắc tia sữa; cây Si đỏ - *Ficus microcarpa* L.f dùng chữa trị nội thương, chữa bệnh về xương khớp...

Ngoài ra, cộng đồng dân tộc tại KVNC còn có kinh nghiệm độc đáo trong việc phối trộn các cây thuốc để nấu cao lá với kiến thức về hơn 100 loài cây thuốc khác nhau để nấu cao, nhằm hỗ trợ tăng cường sức khỏe và phòng chống một số loại bệnh cho người dân.

3.6. Các loài cây thuốc có nguy cơ bị đe dọa

Kết quả điều tra nghiên cứu của công trình này đã xác định được các loài cây thuốc thuộc diện quý hiếm và cần bảo vệ tại bảng 7.

Bảng 7. Danh mục cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ghi nhận ở xã Kim Đồng, huyện Thạch An

STT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Cấp quy định		
			SĐVN, 2007	NĐ84/2021/NĐ-CP	DLĐCT, 2007
1	Đẳng sâm	<i>Codonopsis javanica</i> Hook.f. & Thoms.	VU	IIA	EN
2	Bảy lá một hoa	<i>Paris chinensis</i> Franch		IIA	EN
3	Na rừng	<i>Kadsura coccinea</i> A. C. Smith.		IIA	EN
4	Đỉnh vàng	<i>Fernandoa collignonii</i> (Dop)	VU	IIA	
5	Củ bình vôi	<i>Stephania brachyandra</i> Diels	EN	IIA	EN
6	Cầu tích	<i>Polypodium barometz</i> L.		IIA	

Chú thích: *SĐVN*: Sách đỏ Việt Nam, 2007; *NĐ84/2021/NĐ-CP*: Nghị định 84 của Chính phủ Việt Nam; *DLĐCTVN*: Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam, 2007; *VU*: Sắp nguy cấp - Vulnerable; *EN*: Nguy cấp - Endangered; *IIA*: Những loài thực vật hoang dã hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có thể sẽ bị tuyệt chủng.

Dữ liệu cho thấy, tại khu vực nghiên cứu đã phát hiện có 6 loài cây thuốc quý hiếm bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam (chiếm 5,88% tổng số loài cây thuốc được phát hiện), thuộc 6 chi, 6 họ của hai ngành thực vật bậc cao là ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) và ngành Dương xỉ (Polypodiopsida) như sau:

- Số loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam (2007) là 3 loài cây. Trong đó có 1 loài cây ở mức độ nguy cấp (EN) là cây Củ bình vôi - *Stephania brachyandra* Diels có tác dụng chữa chữa đau đầu, duy trì giấc ngủ, hạ huyết áp, giảm nhiệt độ cơ thể, suy nhược cơ thể, rối loạn tâm thần; có 2 loài ở mức độ sắp nguy cấp (VU) gồm: cây Đẳng sâm - *Codonopsis javanica* Hook.f. & Thoms có tác dụng chữa hư hàn, cây Đỉnh vàng - *Fernandoa collignonii* (Dop) có tác dụng chữa giảm sốt, chữa gan, mát gan.

- Số loài có tên trong Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2007) là 4 loài thuộc diện bảo tồn trong tình trạng cấp nguy cấp (EN) gồm: cây Bảy lá một hoa - *Paris chinensis* Franch được cộng đồng dân tộc thiểu số ở KVNC sử dụng chữa trị đau họng; cây Na rừng - *Kadsura coccinea* A. C. Smith được sử dụng chữa thận, cam sài, mạnh gân cốt, tê thấp, động kinh, kiết lỵ; cây Đẳng sâm - *Codonopsis javanica*

Hook.f. & Thoms và cây Củ bình vôi - *Stephania brachyandra* Diels.

- Theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP có 6 loài thuộc diện cần bảo tồn trong tình trạng cấp IIA - Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Nhìn chung, trong số 6 loài cây thuốc thuộc diện quý hiếm và cần bảo vệ được phát hiện ở KVNC có 3 loài cây là: Đẳng sâm - *Codonopsis javanica* Hook.f. & Thoms, Đỉnh vàng - *Fernandoa collignonii* (Dop), Củ bình vôi - *Stephania brachyandra* Diels đều được ghi nhận ở cả 3 nguồn tài liệu bảo tồn uy tín và có độ tin cậy cao được ghi nhận tại bảng 7. Vì vậy, cần phải có biện pháp sử dụng và khai thác hợp lý các loài cây thuốc này để phục vụ cho công tác chữa trị bệnh lâu dài của cộng đồng dân tộc ở KVNC nói riêng và của Việt Nam nói chung.

IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc tại xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao đã xác định, có 102 loài cây được cộng đồng dân tộc Nùng, Tày ở KVNC sử dụng trong chữa trị bệnh cho người dân. 102 loài cây này thuộc 94 chi, 58 họ trong các ngành Ngọc lan, Dương xỉ.

Nhóm cây được sử dụng nhiều nhất là cây thân thảo (46/102 loài được phát hiện), cây bụi (25/102 loài được phát hiện), cây dây leo (18/102 loài cây).

Môi trường sống phân bố nguồn cây thuốc được cộng đồng dân tộc Nùng, Tày sử dụng chữa trị bệnh tập trung chủ yếu ở sinh cảnh làng xóm, làng bản, vườn (59/102 loài được phát hiện), và sinh cảnh sống ở rừng (49/102 loài cây).

Có 8 bộ phận của cây thuốc được cộng đồng dân tộc Nùng, Tày ở KVNC khai thác sử dụng,

trong đó, 4 bộ phận lá, cả cây, rễ và củ có tần suất được sử dụng nhiều nhất.

Có 10 nhóm bệnh khác nhau được chữa trị bằng kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong cộng đồng dân tộc thiểu số ở KVNC. Trong đó, phần lớn các loài cây điều tra được tập trung nhiều ở 5 nhóm bệnh: bệnh do thời tiết, bệnh đường tiêu hóa, bệnh ngoài da, bệnh xương khớp - hệ vận động, bệnh phụ nữ - sinh sản - sinh dục - sinh lý.

Xác định được số loài cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ở KVNC là 6 loài, chiếm 5,88% tổng số loài cây thuốc điều tra được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách đỏ Việt Nam: phần II Thực vật, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập 1 - 2, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2019. Nghị định 06/2019/CP-NĐ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, Hà Nội.
4. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2021. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/CP-NĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, Hà Nội.
5. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Đỗ Tất Lợi, 2005. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb. Hà Nội.
7. Nguyễn Tập, 2007. Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam, Nxb. Mạng lưới lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, Hà Nội.
8. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật, Nxb. Nông nghiệp, Hà nội.
9. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Hàn Lâm Việt Nam, 2006. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2 - 3.
11. Viện Dược liệu, 1993. Tài nguyên cây thuốc Việt Nam, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Email tác giả liên hệ: nguyenthithuhien@tlu.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/05/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 05/06/2024

Ngày duyệt đăng: 20/06/2024